

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H.CHÂU THÀNH-TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 564/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2020

V/v tranh chấp: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Quý**
Bà **Trần Ngọc Bảo Châu**
- T1 ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trinh**-Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: khóm 4, phường 1, thị xã DH, huyện DH, Trà Vinh

* Bị đơn: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị T trình bày: chị và anh P cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Châu Thành vào năm 2016. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh năm 2016 hiện đang sống với chị T.

Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P ham chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không sửa đổi nên chị về nhà mẹ ruột chị sống từ năm 2017 đến nay.

Nay do mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh P thống nhất như trình bày của chị T về quá trình hôn nhân và con chung, anh thừa nhận trước đây anh có ham chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con nhưng từ khi chị T về Trà Vinh thì anh đã lo làm ăn, anh nhận thấy còn khả năng hàn gắn nên anh không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết ly

hôn thì về con chung anh đồng ý giao con cho chị T nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Từ khi thụ lý vụ kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định vắng mặt trong quá trình hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Đề nghị giao con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh P cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: chị T yêu cầu được ly hôn với anh P, yêu cầu được nuôi con chung.

Xét thấy, chị T và anh P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn vào năm 2016.

Theo chị T trình bày, sau khi cưới thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh P ham chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không sửa đổi nên chị về nhà mẹ ruột chị sống từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định không còn tình cảm với anh P, chị cương quyết xin ly hôn.

Anh P không đồng ý ly hôn nhưng theo anh P trình bày anh đã nhiều lần khuyên chị T về hàn gắn lại nhưng chị T không đồng ý mặc khác anh cũng thừa nhận trước đây anh có ham chơi, không quan tâm, chăm sóc vợ con do đó hôn nhân đổ vỡ là do lỗi của anh P.

Từ những phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: xét thấy, hiện nay cháu T1 đang sống với chị T. Chị T và anh P cũng thống nhất giao con cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng, chị T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về án phí: chị T, anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2/ Về con chung: giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 18/11/2016 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh P có quyền tới lui, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: không có, không yêu cầu.

4/ Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

5/ Về án phí: chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002954 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như đã nộp xong.

Anh P phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND H.Châu Thành;
- UBND xã Long An (kết hôn 2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Võ Ngọc Hiếu